

GIẢNG DẠY VĂN HỌC VIỆT NAM CHO HỌC VIÊN NƯỚC NGOÀI: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

VŨ THỊ PHƯƠNG NGÀ*

*Học viện Khoa học Quân sự, ✉ ngavp24052003@gmail.com

Ngày nhận bài: 04/11/2024; ngày sửa chữa: 29/11/2024; ngày duyệt đăng: 15/12/2024

TÓM TẮT

Nghiên cứu tập trung phân tích thực trạng giảng dạy văn học Việt Nam cho học viên nước ngoài (HVNN) và đề xuất những giải pháp thiết thực để nâng cao hiệu quả giảng dạy. Thông qua các phương pháp phân tích và tổng hợp, bài viết chỉ ra những thách thức đối với HVNN khi học các tác phẩm văn học Việt Nam, bao gồm sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa, bối cảnh lịch sử. Để khắc phục những khó khăn này, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp, bao gồm điều chỉnh phương pháp giảng dạy linh hoạt, sử dụng phương tiện dạy học hiện đại, xây dựng giáo trình và tài liệu học tập chuyên biệt, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm văn hóa thực tế nhằm tạo điều kiện cho HVNN hiểu sâu sắc hơn các tác phẩm văn học Việt Nam.

Từ khóa: giảng dạy văn học, văn học Việt Nam, học viên nước ngoài, tác phẩm văn học

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày nay, việc học ngôn ngữ và văn hóa của các quốc gia khác không chỉ là xu hướng mà còn trở thành nhu cầu thiết yếu đối với nhiều người. Việt Nam, với lịch sử phong phú và nền văn hóa đặc sắc đang thu hút sự quan tâm của đông đảo học viên quốc tế. Trong đó, văn học Việt Nam là một thành tố quan trọng, đóng vai trò cầu nối giữa ngôn ngữ và văn hóa, giúp học viên hiểu rõ hơn về đất nước, con người và văn hóa Việt Nam. Tuy nhiên, quá trình giảng dạy văn học Việt Nam cho học viên nước ngoài không phải lúc nào cũng thuận lợi. Những rào cản về ngôn ngữ, văn hóa cùng sự khác biệt trong cách tiếp cận học tập đã và đang ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng và hiệu quả của việc dạy học. Do

đó, việc nghiên cứu những khó khăn này và tìm ra các giải pháp phù hợp để cải thiện quy trình giảng dạy trở thành một yêu cầu cấp bách, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang ngày càng mở cửa và hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay.

2. THỰC TRẠNG GIẢNG DẠY VĂN HỌC VIỆT NAM CHO HỌC VIÊN NƯỚC NGOÀI

2.1. Những kết quả đạt được

Quá trình giảng dạy văn học Việt Nam cho học viên nước ngoài (HVNN) đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận. Đó là việc xây dựng chương trình giảng dạy văn học đã phần nào phù hợp với nhu cầu học tập và mức độ tiếp thu của HVNN. Các trường đại học và các Học viện đã bước đầu thiết kế những nội dung giảng dạy giúp học viên

làm quen với các giá trị văn hóa, lịch sử và truyền thống của Việt Nam thông qua các tác phẩm văn học kinh điển. Ngoài ra, một số giảng viên đã áp dụng các phương pháp hiện đại như giảng dạy thông qua đối thoại, tổ chức hoạt động nhóm và kết hợp công nghệ, giúp tạo môi trường học tập sinh động hơn. Điều này không chỉ cải thiện chất lượng dạy học mà còn thúc đẩy sự gắn kết giữa HVNN với môn học (Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, 2020).

Thêm vào đó, sự đa dạng trong hình thức tổ chức học tập như các hoạt động ngoại khóa liên quan đến văn hóa Việt Nam đã giúp HVNN tiếp cận văn học không chỉ qua lý thuyết mà còn qua thực tế cuộc sống. Một số trường cũng đã bước đầu biên soạn các tài liệu bổ trợ, giúp HVNN dễ dàng hơn trong việc nắm bắt các khía cạnh ngôn ngữ và văn hóa trong văn học Việt Nam. Những nỗ lực này góp phần nâng cao sự hứng thú và hiểu biết của học viên về văn học Việt Nam, tạo nền tảng cho việc mở rộng giao lưu văn hóa quốc tế (Cao Thi Hao, 2022).

2.2. Những bất cập còn tồn tại

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc giảng dạy văn học Việt Nam cho HVNN vẫn tồn tại nhiều bất cập cần khắc phục. Phương pháp giảng dạy của một số giảng viên còn thiên về truyền thống, thiếu tính đa dạng và chưa phù hợp với đặc điểm học tập của HVNN. Cách tiếp cận đơn điệu, tập trung vào việc phân tích tác phẩm mà bỏ qua bối cảnh văn hóa, lịch sử gắn liền với nó khiến học viên gặp khó khăn trong việc hiểu sâu nội dung. Thiếu các hoạt động tương tác và kết nối thực tế cũng làm giảm hiệu quả học tập, khiến giờ học trở nên nặng nề và thiếu sức hút (Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, 2020).

Giáo trình và tài liệu giảng dạy hiện tại cũng chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của HVNN. Phần lớn giáo trình sử dụng ngôn ngữ hàn lâm, khó tiếp cận đối với học viên quốc tế, trong khi các tài liệu hiện đại, tích hợp yếu tố liên văn hóa vẫn còn rất hạn chế. Việc thiếu tài liệu số và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy cũng là một trở ngại, làm giảm khả năng tự học và tra cứu của học viên.

Ngoài ra, sự thiếu hụt về kiến thức nền tảng văn hóa, lịch sử và các biểu tượng dân gian Việt Nam của HVNN cũng là một thách thức lớn mà môi trường học tập hiện tại chưa hỗ trợ đầy đủ. Các hoạt động ngoại khóa, giao lưu văn hóa hay các chương trình bổ trợ cho HVNN chưa được tổ chức thường xuyên và bài bản, dẫn đến sự hạn chế trong việc kết nối lý thuyết và thực tế. Những bất cập này đòi hỏi các cơ sở đào tạo cần có giải pháp đồng bộ và hiệu quả hơn để nâng cao chất lượng giảng dạy văn học Việt Nam cho HVNN (Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, 2020).

2.3. Phương pháp giảng dạy chưa phù hợp với học viên nước ngoài

Phương pháp giảng dạy của giáo viên đóng vai trò quyết định chất lượng học tập của học viên, đặc biệt là khi giảng dạy văn học Việt Nam cho HVNN. Tuy nhiên, theo lối mòn, một số giảng viên vẫn áp dụng các phương pháp dạy học truyền thống, tập trung vào việc truyền đạt kiến thức theo hướng một chiều, chủ yếu phân tích tác phẩm văn học dưới góc độ ngôn ngữ, cấu trúc và nội dung. Điều này khiến cho HVNN gặp nhiều khó khăn trong việc hiểu sâu sắc tác phẩm văn học. Trần Thị Hồng (2020) nhấn mạnh, phương pháp giảng dạy truyền thống thường chỉ hiệu quả đối với người bản địa nhưng lại không thể tạo điều kiện cho học viên quốc tế tiếp thu nhanh chóng và hiệu quả. Với HVNN, các yếu tố như thành ngữ, ẩn dụ, cách diễn đạt đặc thù của tiếng Việt cùng với sự khác biệt về bối cảnh văn hóa Việt Nam đã tạo ra rào cản lớn cho học viên trong quá trình học tập. Lê Thị Thanh Xuân (2020) cho rằng, sự khác biệt trong cách tiếp cận văn học giữa người bản địa và người nước ngoài yêu cầu phương pháp giảng dạy phải đa dạng và linh hoạt hơn thì hiệu quả học tập mới được nâng cao.

Một vấn đề nữa trong phương pháp giảng dạy hiện nay là thiếu các hoạt động tương tác của học viên. Các lớp học thường nặng về truyền thụ mà thiếu các hoạt động giúp học viên thảo luận, trao đổi, hoặc liên kết giữa văn học và thực tế cuộc sống. Điều này khiến giờ học trở nên khô khan, khó thu hút sự chú ý của HVNN. Học viên không

chỉ cần hiểu nội dung tác phẩm mà còn cần phải hiểu bối cảnh văn hóa, xã hội gắn liền với nó. Thực tế đó đòi hỏi giảng viên phải xây dựng một phương pháp giảng dạy đa dạng, kết hợp nhiều yếu tố như đối thoại, thảo luận nhóm, sử dụng công nghệ và tổ chức các hoạt động ngoại khóa liên quan đến văn hóa Việt Nam.

2.4. Giáo trình, tài liệu học tập chưa đa dạng

Hạn chế về giáo trình, tài liệu trong giảng dạy văn học Việt Nam cho HVNN không chỉ nằm ở số lượng mà còn ở chất lượng và tính khả dụng. Thực tế cho thấy, đa phần các giáo trình văn học hiện có chưa đáp ứng được nhu cầu học tập của HVNN, cả về ngôn ngữ, cấu trúc và nội dung. Một số giáo trình được biên soạn với mục tiêu phục vụ cho người học bản địa, do đó chúng có xu hướng sử dụng các thuật ngữ văn học và ngôn ngữ hàn lâm khiến HVNN khó tiếp cận. Lê Thanh Hải (2020) cho rằng, việc thiếu các tài liệu học tập được biên soạn dành riêng cho đối tượng học viên quốc tế là một trong những trở ngại lớn nhất trong việc giảng dạy văn học Việt Nam ở các trường đại học.

Không chỉ vậy, vấn đề về sự đa dạng và phong phú của các tài liệu tham khảo cũng còn nhiều hạn chế. Phần lớn các tác phẩm văn học được giảng dạy hiện nay chỉ tập trung vào các tác phẩm cổ điển hoặc những tác phẩm đã quen thuộc của văn học Việt Nam mà chưa chú trọng đến việc giới thiệu các tác phẩm đương đại. Điều này không chỉ giới hạn phạm vi tiếp cận của học viên mà còn khiến họ khó liên hệ giữa văn học và các vấn đề xã hội hiện tại, do đó làm giảm sự hứng thú và tương tác của họ với môn học. Phạm Thị Lan (2017) nhận xét, việc không có tài liệu giảng dạy phù hợp và cập nhật kịp thời đã làm giảm đáng kể khả năng tương tác của học viên nước ngoài với các tác phẩm văn học Việt Nam.

Thêm vào đó, các tài liệu dạy học hiện nay phần lớn thiếu tính liên văn hóa, điều này rất quan trọng khi dạy văn học cho học viên đến từ nhiều quốc gia khác nhau. Một giáo trình lý tưởng không chỉ dừng lại ở việc giới thiệu văn học Việt Nam mà còn phải tạo ra sự kết nối giữa văn học Việt Nam

với các nền văn học khác, hoặc ít nhất là làm nổi bật các yếu tố chung để HVNN có thể hiểu và liên hệ.

Ngoài ra, một yếu tố quan trọng khác cần được xem xét là việc cập nhật và hiện đại hóa tài liệu học tập, đặc biệt là việc sử dụng công nghệ số để tạo điều kiện cho học viên có thể tự học và tra cứu thông tin dễ dàng. Các giáo trình hiện nay vẫn còn thiên về bản giấy, chưa đa dạng các loại hình và chưa phong phú về tài liệu số. Theo Trần Xuân Đạt (2021), việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy không chỉ giúp tăng cường sự tương tác giữa học viên và giảng viên, mà còn giúp HVNN có thêm công cụ để tự học và nâng cao hiệu quả học tập. Đây cũng được coi là yếu tố then chốt để giúp học viên say mê hơn với môn học.

2.5. Việc tiếp cận văn hóa và lịch sử Việt Nam còn nhiều bất cập

Văn học Việt Nam là một trong những lĩnh vực thể hiện sâu sắc các giá trị văn hóa, lịch sử và truyền thống của dân tộc. Đối với người học bản địa, việc hiểu và cảm nhận các tác phẩm văn học thường dễ dàng hơn nhờ vào kiến thức sẵn có về ngôn ngữ, bối cảnh lịch sử và văn hóa. Tuy nhiên, đối với HVNN, sự khác biệt lớn về nền tảng văn hóa và lịch sử là một rào cản lớn trong việc tiếp cận và hiểu biết sâu sắc về văn học Việt Nam. Những giá trị tư tưởng, triết lý cũng như những hình ảnh biểu trưng trong các tác phẩm văn học Việt Nam thường gắn liền với các sự kiện lịch sử cụ thể, những phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa mà nếu không có sự giải thích chi tiết, người học rất khó có thể hiểu và cảm nhận đầy đủ (Cao Thi Hao, 2022).

Một trong những khó khăn phổ biến là việc HVNN không có đủ kiến thức nền tảng về lịch sử Việt Nam, từ văn học trung đại đến văn học hiện đại, mỗi giai đoạn văn học đều có những bối cảnh lịch sử, xã hội khác nhau tạo nên diện mạo văn học khác nhau. Từ những tác phẩm văn học viết bằng chữ Hán (như *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi), chữ Nôm (như *Truyện Kiều* của Nguyễn Du) đến những tác phẩm văn học viết bằng chữ quốc ngữ (giai đoạn văn học hiện đại như *Mảnh trăng cuối*

rừng của Nguyễn Minh Châu...) đều chứa đựng nhiều thông điệp và ý nghĩa nhân sinh mà nếu không hiểu rõ bối cảnh lịch sử thì người học không thể nắm bắt được. Trần Thị Mai Nhân (2021) cho rằng, HVNN thường gặp khó khăn trong việc liên kết các giá trị văn học với bối cảnh văn hóa cụ thể của Việt Nam, điều này khiến cho họ không thể hiểu đúng ý nghĩa của các chi tiết văn học hay cảm nhận được chiều sâu của các tác phẩm (Trần Thị Mai Nhân, 2021).

Ngoài ra, các hình ảnh mang tính biểu tượng, các phép ẩn dụ hoặc các yếu tố văn hóa dân gian trong văn học Việt Nam cũng là một thử thách lớn. Ví dụ, những hình ảnh như *cây tre, con cò, hay con thuyền, con đò* không chỉ là các yếu tố trong câu văn, câu thơ mà còn mang ý nghĩa tượng trưng cho con người, tâm hồn và văn hóa Việt Nam. Các biểu tượng này thường gắn liền với một bối cảnh xã hội, văn hóa nhất định và mang theo nhiều lớp nghĩa khác nhau. Khi không có kiến thức về các biểu tượng văn hóa này, HVNN sẽ khó khăn trong việc hiểu và cảm nhận sâu sắc về tác phẩm. Ngô Văn Giá (2020) đã chỉ ra rằng, việc thiếu kiến thức nền về văn hóa và các biểu tượng dân gian Việt Nam là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự khó khăn của HVNN trong việc tiếp cận văn học Việt Nam.

Bên cạnh đó, phong tục tập quán và những quan niệm văn hóa truyền thống cũng là những yếu tố mà HVNN gặp khó khăn khi tìm hiểu văn học Việt Nam. Những giá trị như đạo hiếu, tinh thần cộng đồng hay lòng yêu nước, vốn được thể hiện rất nhiều trong các tác phẩm văn học Việt Nam, có thể trở nên xa lạ đối với học viên đến từ các nền văn hóa khác. Những quan niệm này đôi khi mâu thuẫn với những giá trị văn hóa mà họ đã được giáo dục từ nhỏ, khiến họ khó lòng tiếp nhận và đồng cảm với các nhân vật và nội dung trong tác phẩm. Ví dụ, trong tác phẩm *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố, nhân vật chị Dậu chịu đựng những đau khổ và bất công nhưng vẫn giữ lòng trung thành và hiếu thảo với gia đình. Đối với nhiều học viên nước ngoài, hành động này có thể khó hiểu và thậm chí không thể chấp nhận trong bối cảnh xã hội của họ.

Một yếu tố khác cần được đề cập là ngôn ngữ văn học. Ngôn ngữ trong các tác phẩm văn học Việt Nam thường chứa đựng nhiều cách diễn đạt, từ ngữ cổ hoặc cách dùng từ mang tính địa phương mà ngay cả người Việt đôi khi cũng gặp khó khăn trong việc hiểu rõ ý nghĩa. Đối với HVNN, việc học tiếng Việt đã là một thử thách lớn và khi gặp phải những tác phẩm với ngôn ngữ phức tạp, nhiều tầng lớp ý nghĩa, họ sẽ càng khó khăn hơn trong việc tiếp cận và hiểu nội dung. Trần Thị Mai Nhân (2021) cho rằng, ngôn ngữ văn học Việt Nam với những từ ngữ cổ, cách diễn đạt truyền thống và phong cách văn học đặc thù là một thách thức lớn đối với HVNN khi bước đầu làm quen với môn học này.

2.6. Môi trường học tập ít nhiều còn hạn chế

Một vấn đề quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy văn học Việt Nam cho HVNN là sự thiếu hỗ trợ từ môi trường học tập. Môi trường học tập ở đây không chỉ bao gồm các yếu tố như cơ sở vật chất và trang thiết bị giảng dạy mà còn bao gồm các hoạt động, cơ hội giao lưu văn hóa và trải nghiệm thực tế cho học viên. Đối với những học viên đến từ nhiều quốc gia khác nhau, môi trường học tập đóng vai trò rất quan trọng trong việc hỗ trợ họ tiếp cận và hiểu sâu hơn về các giá trị văn hóa, xã hội và lịch sử của Việt Nam, từ đó nâng cao khả năng tiếp thu kiến thức văn học.

Thực tế, nhiều trường đại học tại Việt Nam vẫn chưa có đủ điều kiện để tạo ra một môi trường học tập đa văn hóa, thân thiện và hỗ trợ hiệu quả cho học viên nước ngoài. Theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Lan Hương (2020), nhiều trường học tại Việt Nam chưa có những chương trình hỗ trợ đặc biệt dành cho HVNN, khiến họ gặp khó khăn trong việc hòa nhập và tiếp cận với văn hóa địa phương. Điều này dẫn đến việc học viên khó có cơ hội trải nghiệm thực tế và kết nối với các giá trị văn hóa mà họ đang học. Nhiều HVNN không có cơ hội tham gia các hoạt động văn hóa như lễ hội truyền thống, tham quan các di tích lịch sử hay tham gia các buổi giao lưu với người dân địa phương. Những hoạt động này không chỉ giúp HVNN hiểu rõ hơn về bối cảnh văn hóa của các tác phẩm văn học mà còn giúp họ hình thành những trải nghiệm thực tế và tạo ra sự liên kết giữa lý thuyết và thực hành.

Sự thiếu hụt các câu lạc bộ và các chương trình ngoại khóa dành riêng cho HVNN cũng là một hạn chế lớn. Các hoạt động ngoại khóa và giao lưu văn hóa giúp HVNN dễ dàng làm quen và kết nối với môi trường học tập cũng như cuộc sống tại Việt Nam. Theo Lê Thị Mỹ Linh (2019), việc không có những tổ chức, hoạt động dành riêng cho HVNN đã làm giảm khả năng kết nối của họ với môi trường học tập, dẫn đến sự cô lập và khó khăn trong việc tiếp thu kiến thức văn học.

Bên cạnh đó, vấn đề ngôn ngữ cũng là một rào cản lớn đối với HVNN. Mặc dù nhiều trường đại học đã bắt đầu tổ chức các khóa học tiếng Việt cơ bản cho sinh viên quốc tế, nhưng những khóa học này thường không đủ để giúp họ đạt được mức độ ngôn ngữ cần thiết để hiểu sâu về văn học. Hơn nữa, các tài liệu hỗ trợ học tập bằng ngôn ngữ khác thường rất hạn chế, khiến học viên gặp khó khăn trong việc tra cứu và nghiên cứu. Đối với nhiều học viên, việc tiếp thu kiến thức văn học trở nên khó khăn hơn khi họ phải vật lộn với ngôn ngữ dẫn đến sự thiếu tự tin và cảm giác không thể theo kịp nội dung bài học. Nguyễn Thị Phương Mai (2018) nhận định, HVNN cần nhiều hơn những hỗ trợ ngôn ngữ từ nhà trường, không chỉ dừng lại ở các khóa học tiếng Việt mà còn cần có các tài liệu và chương trình hỗ trợ bằng ngôn ngữ của họ.

Ngoài ra, việc thiếu cơ sở vật chất hỗ trợ học tập như thư viện, phòng đọc và các thiết bị công nghệ hiện đại cũng làm giảm chất lượng giảng dạy và học tập của HVNN. Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), nhiều trường học vẫn chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn về cơ sở vật chất để hỗ trợ tốt nhất cho học viên quốc tế, đặc biệt là trong việc nghiên cứu và học tập các môn học đòi hỏi nhiều tài liệu tham khảo như văn học.

3. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢNG DẠY VĂN HỌC VIỆT NAM CHO HỌC VIÊN NƯỚC NGOÀI

3.1. Điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp với đối tượng học viên nước ngoài

Để nâng cao hiệu quả giảng dạy văn học Việt Nam cho HVNN, việc điều chỉnh phương pháp

giảng dạy sao cho phù hợp với đối tượng người học là rất quan trọng. Trước hết, giảng viên cần có cách tiếp cận linh hoạt, không chỉ giới hạn ở việc truyền đạt kiến thức một chiều mà phải tạo ra môi trường học tập tương tác, nơi học viên có thể chủ động tham gia vào quá trình học. Các phương pháp giảng dạy truyền thống nên được kết hợp với các phương pháp hiện đại như dạy học theo dự án, thảo luận nhóm và phân tích tình huống, qua đó giúp học viên không chỉ nắm vững lý thuyết mà còn biết cách áp dụng vào thực tiễn.

Một trong những thách thức lớn khi giảng dạy văn học cho HVNN là sự khác biệt về ngôn ngữ và văn hóa. Để khắc phục điều này, giảng viên cần sử dụng các công cụ hỗ trợ như hình ảnh, video và các tư liệu trực quan để minh họa cho bài giảng. Ví dụ, khi giảng dạy về một tác phẩm văn học có bối cảnh lịch sử hoặc văn hóa đặc thù, giảng viên có thể trình chiếu video tài liệu, hình ảnh về bối cảnh lịch sử hoặc các phong tục tập quán liên quan. Điều này giúp học viên có cái nhìn trực quan, dễ dàng hình dung và cảm nhận được giá trị văn học của tác phẩm.

Ngoài ra, các hoạt động trải nghiệm thực tế cũng là một phương pháp hiệu quả giúp học viên tiếp cận và hiểu sâu hơn về văn học Việt Nam. Giảng viên có thể tổ chức các buổi học ngoại khóa, nơi học viên được tham gia vào các hoạt động như diễn kịch, đóng vai các nhân vật trong tác phẩm hoặc thực hiện các dự án nghiên cứu về văn hóa, lịch sử gắn liền với tác phẩm. Những hoạt động này không chỉ giúp học viên hiểu sâu hơn về nội dung tác phẩm mà còn giúp họ phát triển kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm và tư duy phản biện.

Một yếu tố quan trọng khác là việc điều chỉnh ngôn ngữ giảng dạy sao cho phù hợp với khả năng của học viên. Giảng viên cần sử dụng ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu, kết hợp với các ví dụ minh họa và cách giải thích chi tiết về các từ ngữ, thuật ngữ chuyên ngành. Khi giảng về các tác phẩm phức tạp, nên phân tích các đoạn trích cụ thể và giải thích cặn kẽ các tầng ý nghĩa để học viên có thể nắm bắt được nội dung một cách đầy đủ nhất.

Việc tạo ra các tài liệu học tập được thiết kế riêng cho HVNN cũng là một yếu tố quan trọng trong việc điều chỉnh phương pháp giảng dạy. Các tài liệu này nên bao gồm các bài đọc, câu hỏi thảo luận và các hoạt động thực hành được biên soạn dựa trên khả năng và trình độ ngôn ngữ của học viên. Bên cạnh đó, các bài kiểm tra và đánh giá cũng cần được thiết kế sao cho phù hợp với khả năng ngôn ngữ và văn hóa của học viên, tránh gây áp lực và tạo điều kiện để họ thể hiện năng lực học tập một cách tốt nhất.

Để phương pháp giảng dạy thực sự hiệu quả, giảng viên cũng cần chú trọng đến việc lắng nghe phản hồi từ học viên. Thường xuyên tổ chức các buổi thảo luận, thu thập ý kiến phản hồi về nội dung và phương pháp giảng dạy để điều chỉnh và cải thiện kịp thời. Việc tạo ra một môi trường học tập cởi mở, nơi học viên có thể tự do trao đổi, chia sẻ và đóng góp ý kiến sẽ giúp nâng cao chất lượng giảng dạy và tạo động lực cho học viên trong quá trình học tập.

Tóm lại, việc điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho phù hợp với đối tượng HVNN là một yếu tố then chốt để nâng cao hiệu quả giảng dạy văn học Việt Nam. Kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, sử dụng các công cụ hỗ trợ trực quan, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, và điều chỉnh ngôn ngữ giảng dạy sẽ giúp học viên dễ dàng tiếp thu kiến thức và cảm nhận sâu sắc hơn về các tác phẩm văn học Việt Nam.

3.2. Xây dựng giáo trình và tài liệu học tập chuyên biệt

Việc xây dựng giáo trình và tài liệu học tập chuyên biệt cho HVNN là yếu tố then chốt để cải thiện hiệu quả giảng dạy văn học Việt Nam. Các tài liệu hiện có thường được biên soạn cho người học bản địa với ngôn ngữ và kiến thức đòi hỏi nền tảng văn hóa Việt Nam sâu rộng. Đối với HVNN, điều này trở thành rào cản lớn khiến họ khó tiếp thu và nắm bắt được nội dung tác phẩm. Do đó, việc thiết kế và biên soạn tài liệu học tập cần phải được thực hiện một cách tỉ mỉ và phù hợp với đối tượng học viên này. Cụ thể:

Thứ nhất, giáo trình và tài liệu học tập cần được trình bày một cách đơn giản, dễ hiểu và có tính hệ thống cao. Nội dung phải được sắp xếp từ cơ bản đến nâng cao với các phần giải thích chi tiết về ngữ nghĩa và ngữ cảnh của các thuật ngữ văn học. Mỗi bài học nên bao gồm phần giới thiệu về bối cảnh lịch sử, văn hóa của tác phẩm, giúp học viên hiểu rõ hơn về ý nghĩa và giá trị văn hóa của từng câu chuyện. Ngoài ra, việc cung cấp thêm thông tin về tiểu sử tác giả, hoàn cảnh sáng tác cũng giúp học viên có cái nhìn tổng quan và sâu sắc hơn về tác phẩm.

Thứ hai, tài liệu học tập cũng cần được thiết kế sao cho học viên có thể tự học một cách hiệu quả. Các phần giải thích từ vựng, ngữ pháp và cấu trúc câu nên được trình bày rõ ràng với các ví dụ minh họa cụ thể. Tài liệu cũng nên bao gồm các câu hỏi thảo luận và bài tập thực hành giúp học viên ôn tập và kiểm tra lại kiến thức đã học. Ví dụ, các bài tập có thể yêu cầu học viên phân tích một đoạn trích cụ thể, so sánh các tác phẩm hoặc nhân vật hay trình bày quan điểm cá nhân về một chủ đề liên quan đến văn học Việt Nam. Những bài tập này không chỉ giúp củng cố kiến thức mà còn khuyến khích học viên phát triển kỹ năng tư duy phân biện và phân tích.

Thứ ba, một phần quan trọng không thể thiếu trong giáo trình và tài liệu học tập dành cho HVNN là phần giải thích chi tiết các yếu tố văn hóa đặc thù của Việt Nam. Văn học Việt Nam thường phản ánh những phong tục, tập quán và giá trị truyền thống của dân tộc, điều này có thể xa lạ và khó hiểu đối với học viên đến từ các quốc gia có nền văn hóa khác biệt. Chẳng hạn, khi học về các tác phẩm văn học cổ điển, học viên cần được cung cấp thông tin về các phong tục, tín ngưỡng và hệ giá trị của xã hội Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Những kiến thức này sẽ giúp họ dễ dàng hơn trong việc tiếp cận và cảm nhận các tác phẩm văn học.

Thứ tư, việc sử dụng ngôn ngữ trong tài liệu học tập cũng cần được điều chỉnh sao cho phù hợp với trình độ của HVNN. Đối với những học viên mới bắt đầu học, giáo trình nên sử dụng ngôn ngữ đơn giản, tránh những từ ngữ mang tính chuyên

môn cao hoặc những câu văn phức tạp. Đối với học viên ở trình độ cao hơn, giáo trình có thể sử dụng các tác phẩm nguyên bản với phần giải thích chi tiết về ngữ pháp và từ vựng, giúp học viên hiểu sâu hơn ngôn ngữ và văn phong của văn học Việt Nam.

Thứ năm, giáo trình nên kết hợp giữa nội dung văn học và sự phát triển ngôn ngữ, giúp học viên không chỉ học về văn học mà còn phát triển toàn diện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Chẳng hạn, một bài học có thể bắt đầu bằng việc giới thiệu một đoạn văn ngắn, sau đó yêu cầu học viên nghe và đọc lại, rồi thảo luận về nội dung và ý nghĩa của đoạn văn đó. Cuối cùng, học viên có thể viết một đoạn văn ngắn bày tỏ cảm nhận của mình về tác phẩm.

Tóm lại, việc xây dựng giáo trình và tài liệu học tập chuyên biệt là một phần không thể thiếu trong quá trình giảng dạy văn học Việt Nam cho HVNN. Các tài liệu này không chỉ cần phù hợp với trình độ ngôn ngữ mà còn phải cung cấp đầy đủ thông tin về bối cảnh văn hóa, lịch sử của tác phẩm, tạo điều kiện cho học viên tiếp cận và hiểu sâu hơn về các giá trị văn học Việt Nam

3.3. Tăng cường hoạt động ngoại khóa và trải nghiệm văn hóa

Việc tăng cường các hoạt động ngoại khóa và trải nghiệm văn hóa đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả giảng dạy văn học Việt Nam cho HVNN. Những hoạt động này không chỉ giúp học viên tiếp thu kiến thức một cách sinh động và trực quan hơn, mà còn tạo điều kiện cho họ hiểu sâu sắc hơn về bối cảnh văn hóa và lịch sử mà các tác phẩm văn học phản ánh.

Trước hết, việc tổ chức các chuyến tham quan, dã ngoại đến các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh và làng nghề truyền thống là cơ hội tuyệt vời để học viên có những trải nghiệm thực tế về văn hóa Việt Nam. Ví dụ, khi giảng dạy về các tác phẩm văn học liên quan đến cuộc kháng chiến chống Pháp hoặc chống Mỹ, giảng viên có thể tổ chức cho học viên thăm các bảo tàng, khu di tích lịch sử như Bảo tàng Lịch sử, Bảo tàng Quân sự, Hoàng thành Thăng Long... Những chuyến tham quan này giúp học viên không chỉ hiểu rõ hơn về

hoàn cảnh lịch sử mà còn cảm nhận sâu sắc hơn về tinh thần dân tộc, lòng yêu nước và ý chí kiên cường của người Việt Nam, từ đó có thể kết nối tốt hơn với nội dung của các tác phẩm văn học.

Các hoạt động tham quan làng nghề truyền thống cũng mang lại nhiều trải nghiệm thú vị. Học viên có thể trực tiếp quan sát quá trình sản xuất và tạo hình các sản phẩm thủ công, từ đó hiểu rõ hơn về giá trị văn hóa và nghệ thuật trong các tác phẩm văn học. Chẳng hạn, khi học về các bài thơ ca ngợi nghề truyền thống, học viên sẽ dễ dàng cảm nhận được tình yêu quê hương, sự gắn bó với nghề nghiệp và văn hóa làng xã của người Việt Nam.

Bên cạnh đó, việc tham gia vào các lễ hội truyền thống cũng giúp học viên trải nghiệm sâu sắc hơn về phong tục, tập quán và đời sống văn hóa tinh thần của người Việt Nam. Ví dụ, khi tham gia lễ hội Chùa Hương, học viên không chỉ được chiêm ngưỡng cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp mà còn hiểu thêm về tín ngưỡng Phật giáo và các yếu tố văn hóa tâm linh trong đời sống của người Việt. Những trải nghiệm này sẽ giúp học viên kết nối tốt hơn với các tác phẩm văn học có đề cập đến tín ngưỡng và lễ hội như những bài thơ của Nguyễn Trãi hay các tác phẩm văn học dân gian.

Các hoạt động giao lưu văn hóa với sinh viên Việt Nam cũng là một phần quan trọng trong việc giúp HVNN hiểu rõ hơn về văn hóa và xã hội Việt Nam. Các buổi giao lưu này có thể được tổ chức dưới nhiều hình thức như thảo luận nhóm, trao đổi văn hóa hoặc các buổi trình diễn nghệ thuật, nơi học viên nước ngoài có thể tìm hiểu về âm nhạc, múa hát dân gian hoặc thậm chí là tham gia các hoạt động như gói bánh chưng vào dịp Tết. Việc tương tác trực tiếp với sinh viên Việt Nam không chỉ giúp học viên nâng cao kỹ năng ngôn ngữ mà còn giúp họ hiểu rõ hơn về đời sống và suy nghĩ của người trẻ Việt Nam ngày nay, từ đó có thể tiếp cận văn học Việt Nam một cách chân thực và sinh động hơn.

Ngoài ra, việc xây dựng các câu lạc bộ văn hóa và văn học tại các trường học cũng là một giải pháp hiệu quả. Các câu lạc bộ này có thể bao gồm: xem

phim, thảo luận về các tác phẩm văn học nổi tiếng hoặc các buổi tọa đàm với sự tham gia của các nhà văn, nhà nghiên cứu văn học. Thông qua các hoạt động này, học viên có cơ hội được lắng nghe những phân tích chuyên sâu, chia sẻ kinh nghiệm từ các chuyên gia, từ đó có thêm góc nhìn đa chiều về các tác phẩm văn học Việt Nam.

Tóm lại, việc tăng cường các hoạt động ngoại khóa và trải nghiệm văn hóa là một giải pháp thiết thực và hiệu quả trong việc giảng dạy văn học Việt Nam cho HVNN. Những hoạt động này không chỉ giúp học viên hiểu sâu hơn về văn hóa, lịch sử và con người Việt Nam mà còn tạo điều kiện để họ trải nghiệm thực tế và kết nối với các giá trị mà họ đang học. Qua đó, họ không chỉ tiếp thu kiến thức văn học mà còn phát triển khả năng ngôn ngữ, kỹ năng giao tiếp và hiểu biết văn hóa, góp phần vào sự thành công của quá trình học tập.

3.4. Ứng dụng công nghệ trong dạy học

Việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy văn học Việt Nam cho HVNN không chỉ là một xu hướng tất yếu mà còn mang lại nhiều lợi ích vượt trội trong việc nâng cao hiệu quả học tập. Công nghệ giúp việc giảng dạy trở nên sinh động hơn, khắc phục được những hạn chế của phương pháp giảng dạy truyền thống và đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập đa dạng của HVNN.

Một trong những giải pháp hiệu quả là áp dụng mô hình học trực tuyến kết hợp (blended learning), nơi các bài giảng được chia thành hai phần: học trực tiếp tại lớp và học trực tuyến. Học viên có thể tham gia các buổi thảo luận, trao đổi và trình bày tại lớp để phát triển kỹ năng giao tiếp, đồng thời học trực tuyến để nắm vững kiến thức lý thuyết. Các buổi học trực tuyến có thể bao gồm các video bài giảng, tài liệu đọc, bài tập và các diễn đàn thảo luận. Việc này không chỉ giúp học viên nắm vững kiến thức một cách chủ động mà còn tạo cơ hội cho họ ôn tập và củng cố lại những nội dung đã học. Những buổi học trực tuyến cũng có thể được ghi lại và lưu trữ, giúp học viên có thể truy cập bất cứ lúc nào, ở bất cứ đâu để tự ôn tập hoặc tìm hiểu sâu hơn về các tác phẩm văn học.

Ngoài ra, việc sử dụng các phần mềm hỗ trợ học tập như ứng dụng quản lý học tập (Learning Management System - LMS) sẽ giúp giảng viên và học viên tương tác một cách hiệu quả hơn. Thông qua các ứng dụng này, giảng viên có thể quản lý tài liệu học tập, theo dõi tiến độ học tập của từng học viên cũng như cung cấp các bài kiểm tra, đánh giá trực tuyến. Học viên cũng có thể dễ dàng truy cập vào các tài liệu học tập, gửi bài tập và nhận phản hồi từ giảng viên. Một số phần mềm hỗ trợ học tập như Moodle, Google Classroom, hay Blackboard cũng cho phép tích hợp các công cụ giao tiếp trực tuyến như Zoom, Google Meet, giúp học viên và giảng viên có thể trao đổi, thảo luận một cách trực tiếp và linh hoạt hơn.

Việc ứng dụng các bài giảng đa phương tiện cũng là một giải pháp quan trọng trong việc tăng cường sự hứng thú và hiệu quả học tập của học viên. Các bài giảng này có thể bao gồm hình ảnh, video, âm thanh, và các mô phỏng sinh động để minh họa cho các nội dung văn học. Ví dụ, khi học về *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, giảng viên có thể sử dụng các đoạn phim ngắn, các bức tranh minh họa về cuộc đời và bối cảnh lịch sử của nhân vật Kiều, giúp học viên dễ dàng hình dung và nắm bắt được nội dung tác phẩm. Các bài giảng đa phương tiện không chỉ làm cho giờ học trở nên sinh động, hấp dẫn hơn mà còn giúp học viên có thể ghi nhớ kiến thức một cách sâu sắc hơn.

Bên cạnh đó, các công cụ truyền thông số như mạng xã hội, blog học tập, và podcast cũng là những phương tiện hữu ích để học viên tiếp cận kiến thức một cách hiệu quả. Giảng viên có thể tạo ra các trang blog hoặc nhóm học tập trên Facebook, nơi học viên có thể thảo luận, chia sẻ cảm nhận và kiến thức về các tác phẩm văn học. Các podcast chuyên đề về văn học, nơi giảng viên hoặc chuyên gia giới thiệu và phân tích các tác phẩm văn học Việt Nam, cũng sẽ là nguồn tài liệu bổ ích để học viên có thể nghe và học mọi lúc, mọi nơi. Điều này không chỉ giúp học viên tiếp cận kiến thức một cách linh hoạt mà còn kích thích sự hứng thú và tò mò của họ đối với các chủ đề văn học.

Ngoài ra, việc số hóa tài liệu học tập và xây dựng thư viện điện tử là một giải pháp quan trọng giúp học viên dễ dàng tiếp cận các nguồn tài liệu phong phú. Các tài liệu học tập như sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, bài báo nghiên cứu có thể được số hóa và lưu trữ trên các nền tảng trực tuyến, giúp học viên có thể tìm kiếm và truy cập một cách dễ dàng. Thư viện điện tử cũng có thể tích hợp các công cụ tìm kiếm thông minh, cho phép học viên dễ dàng tra cứu thông tin theo chủ đề, từ khóa hoặc tác giả. Các bài giảng điện tử, bài giảng video và các bài tập trực tuyến cũng có thể được lưu trữ trong thư viện điện tử, giúp học viên có thể ôn tập và tự học một cách hiệu quả.

Việc áp dụng công nghệ thực tế ảo (Virtual Reality - VR) và thực tế tăng cường (Augmented Reality - AR) trong giảng dạy cũng là một giải pháp tiên tiến giúp học viên tiếp cận với các tác phẩm văn học một cách trực quan và sinh động hơn. Với công nghệ VR, học viên có thể tham gia vào các chuyến tham quan ảo đến các địa điểm lịch sử, danh lam thắng cảnh, hoặc các bối cảnh trong tác phẩm văn học. Chẳng hạn, khi học “Qua Đèo Ngang” của Bà huyện Thanh Quan, học viên có thể trải nghiệm một chuyến tham quan ảo đến Đèo Ngang, một địa danh nằm giữa hai tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình. Những trải nghiệm này không chỉ giúp học viên hiểu rõ hơn về bối cảnh văn hóa của các tác phẩm mà còn kích thích trí tưởng tượng và sự hứng thú của họ trong việc học tập.

Công nghệ AR cũng có thể được sử dụng để tạo ra các tài liệu học tập tương tác, nơi học viên có thể khám phá và tương tác với các mô hình 3D của các nhân vật, sự kiện hoặc bối cảnh trong tác phẩm văn học. Ví dụ, khi học về các nhân vật trong tác phẩm *Chí Phèo* của Nam Cao, học viên có thể sử dụng các ứng dụng AR để tương tác với các mô hình 3D của nhân vật Chí Phèo, Thị Nở, hay Bá Kiến, cùng với các thông tin chi tiết về tiểu sử, tính cách và vai trò của từng nhân vật trong câu chuyện. Những tài liệu học tập tương tác này sẽ giúp học viên hiểu rõ hơn về các nhân vật và nội dung tác phẩm, đồng thời làm cho việc học trở nên thú vị và hấp dẫn hơn.

Như vậy, việc sử dụng công nghệ và phương tiện truyền thông hiện đại trong giảng dạy văn học Việt Nam cho HVNN không chỉ giúp cải thiện chất lượng giảng dạy mà còn tạo ra những trải nghiệm học tập mới mẻ và thú vị. Bằng cách kết hợp linh hoạt giữa học trực tuyến, bài giảng đa phương tiện, công nghệ VR/AR và các công cụ truyền thông số, chúng ta có thể giúp học viên tiếp cận kiến thức một cách hiệu quả hơn, đồng thời khơi dậy niềm đam mê và hứng thú của họ đối với văn học Việt Nam.

3.5. Đào tạo và nâng cao năng lực cho giảng viên

Việc đào tạo và bồi dưỡng cho giảng viên là một yếu tố then chốt để nâng cao chất lượng giảng dạy văn học Việt Nam cho học viên nước ngoài. Khi giảng viên được trang bị đầy đủ về phương pháp giảng dạy, kiến thức về văn hóa đa dạng và kỹ năng sử dụng công nghệ, họ sẽ có khả năng đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của học viên quốc tế, giúp truyền tải kiến thức một cách hiệu quả và sinh động hơn.

Trước hết, giảng viên cần được tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu về phương pháp giảng dạy cho người nước ngoài, bao gồm các phương pháp và kỹ thuật giảng dạy đặc thù. Những khóa đào tạo này không chỉ giúp giảng viên nắm vững cách điều chỉnh bài giảng để phù hợp với khả năng ngôn ngữ và nền tảng văn hóa khác nhau của học viên mà còn qua đó biết cách tạo ra một môi trường học tập năng động, nơi học viên có thể chia sẻ và trao đổi ý kiến một cách cởi mở.

Ngoài việc nâng cao kỹ năng giảng dạy, giảng viên cần được đào tạo về các kiến thức liên quan đến văn hóa, lịch sử và xã hội của các quốc gia mà học viên đến từ đó. Việc hiểu biết sâu sắc về văn hóa của học viên sẽ giúp giảng viên dễ dàng xây dựng mối quan hệ tích cực với học viên, tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi kiến thức và trải nghiệm. Giảng viên có thể tham gia các khóa học hoặc hội thảo về văn hóa quốc tế để nắm bắt được đặc điểm văn hóa, phong tục tập quán và lối sống của học viên đến từ các nền văn hóa khác nhau. Điều này không chỉ giúp giảng viên tránh được những xung đột văn hóa không đáng có mà còn

giúp họ thiết kế các hoạt động học tập phù hợp, từ đó tạo ra một môi trường học tập đa văn hóa, nơi các học viên cảm thấy được tôn trọng và khích lệ.

Kỹ năng sử dụng công nghệ trong giảng dạy cũng là một yếu tố quan trọng mà giảng viên cần được đào tạo và cập nhật liên tục. Với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và truyền thông, việc sử dụng các công cụ hỗ trợ giảng dạy hiện đại đã trở thành một phần không thể thiếu trong quá trình dạy học. Sử dụng thành thạo công nghệ không chỉ giúp giảng viên nâng cao chất lượng giảng dạy mà còn giúp họ kết nối và hỗ trợ học viên một cách linh hoạt, nhất là trong bối cảnh học trực tuyến ngày càng trở nên phổ biến như hiện nay.

Một khía cạnh quan trọng khác trong việc nâng cao năng lực cho giảng viên là đào tạo về kỹ năng đánh giá và phản hồi. Đối với HVNN, việc nhận được phản hồi rõ ràng và mang tính xây dựng từ giảng viên có vai trò quan trọng trong việc cải thiện khả năng ngôn ngữ và hiểu biết văn học. Giảng viên cần được trang bị kỹ năng xây dựng các tiêu chí đánh giá cụ thể, công bằng và phù hợp với đối tượng học viên quốc tế. Các khóa đào tạo này bao gồm việc thiết kế các bài kiểm tra đánh giá kỹ năng đọc hiểu, viết, thuyết trình và phân tích tác phẩm văn học theo tiêu chuẩn quốc tế. Bên cạnh đó, giảng viên cần biết cách đưa ra những phản hồi mang tính khuyến khích và định hướng để giúp học viên phát triển và hoàn thiện kỹ năng một cách hiệu quả.

Cuối cùng, việc xây dựng một môi trường hỗ trợ liên tục trong nhà trường là cần thiết để giảng viên có thể học hỏi và phát triển. Nhà trường cần tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn, các hội thảo nội bộ và các buổi trao đổi kinh nghiệm giảng dạy để giảng viên có thể chia sẻ, học hỏi lẫn nhau và cùng nhau tìm ra những giải pháp tối ưu cho việc giảng dạy văn học Việt Nam cho học viên nước ngoài. Việc xây dựng một cộng đồng giảng viên gắn kết, nơi mọi người cùng nhau chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm sẽ tạo ra động lực và cảm hứng để mỗi giảng viên không ngừng cải thiện và đổi mới phương pháp giảng dạy của mình.

Như vậy, việc đào tạo và nâng cao năng lực cho giảng viên không chỉ đơn thuần là việc trang bị kiến thức và kỹ năng mà còn là tạo ra một hệ thống hỗ trợ liên tục và bền vững. Khi giảng viên được trang bị đầy đủ về phương pháp giảng dạy, kiến thức văn hóa và kỹ năng công nghệ, họ sẽ tự tin hơn trong việc tiếp cận và truyền tải kiến thức đến học viên quốc tế, từ đó góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và tạo ra một môi trường học tập hiệu quả và thú vị cho học viên nước ngoài.

4. KẾT LUẬN

Giảng dạy văn học Việt Nam cho học viên nước ngoài là một quá trình đầy thử thách và cần được tiếp cận một cách toàn diện. Những khó khăn trong việc truyền tải kiến thức không chỉ nằm ở sự phức tạp của ngôn ngữ mà còn xuất phát từ sự khác biệt về văn hóa, bối cảnh lịch sử và phương pháp dạy học. Văn học Việt Nam mang đậm dấu ấn của lịch sử, văn hóa và tư tưởng dân tộc Việt Nam, với nhiều yếu tố ngôn ngữ đặc thù, cách diễn đạt tinh tế, hình tượng văn học phong phú mà HVNN khó có thể nắm bắt trọn vẹn. Để truyền tải được các thông điệp đó đến với người học cần phải có những giải pháp mang tính đồng bộ từ nhiều phía, trong đó có cơ quan quản lý giáo dục và đội ngũ nhà giáo. Những thực trạng và giải pháp mà bài báo đề xuất không chỉ hướng đến nâng cao chất lượng giảng dạy mà còn mong muốn góp phần đưa văn học Việt Nam đến gần hơn với bạn bè quốc tế./.

Tài liệu tham khảo:

- Lê Thị Mỹ Linh. (2015). Hoạt động trao đổi sinh viên quốc tế trong các trường đại học ở Việt Nam: lợi ích và những vấn đề đặt ra. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 211(II), 46-59.
- Lê Thị Thanh Xuân. (2020). *Nâng cao hiệu quả giảng dạy văn học Việt Nam cho sinh viên nước ngoài tại Khoa Việt Nam học*. Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.
- Ngô Văn Giá. (2020). *Biểu tượng văn hóa trong văn học Việt Nam về biển đảo từ đầu thế kỷ XX đến nay*. Truy cập tại: <http://huc.dspace.vn/handle/DHVH/15195>.
- Nguyễn Thị Lan Hương. (2023). Một số vấn đề lý luận về phát triển đội ngũ giảng viên đáp ứng đổi mới giáo dục đại học. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 11(2023), 10-15.

Nguyễn Thị Phương Mai. (2018). Khó khăn ngôn ngữ và nhu cầu hỗ trợ của học viên quốc tế tại các trường đại học Việt Nam. *Tạp chí Giáo dục Quốc tế*, 19(1), 41-52.

Phạm Thị Lan. (2017). Những vấn đề thường gặp khi dạy “văn học dân gian” cho sinh viên nước ngoài. *Tạp chí Khoa học VNU: Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 7(2), 65-76.

Trần Thị Mai Nhân. (2021). *Giáo trình văn học dân gian Việt Nam: dùng cho sinh viên nước ngoài*. TP. Hồ Chí Minh: Nxb Đại học Quốc gia.

Trần Xuân Đạt. (2021). *Ứng dụng công nghệ 4.0 trong hoạt động giảng dạy một số môn học chuyên ngành truyền thông văn hóa ở Khoa Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội hiện nay*. Tài liệu Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

TEACHING VIETNAMESE LITERATURE TO INTERNATIONAL STUDENTS: CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS

VU THI PHUONG NGA

Abstract: This study focuses on analyzing the current state of teaching Vietnamese literature to foreign students and suggests practical solutions to enhance teaching effectiveness. Through analysis and synthesis methods, the article highlights the challenges foreign students face when studying Vietnamese literary works, including differences in language, culture, and historical context. To address these challenges, the research proposes several solutions, including flexible adjustments in teaching methods, using modern teaching tools, developing specialized curricula and learning materials, and promoting extracurricular activities and real cultural experiences to help foreign students gain a deeper understanding of Vietnamese literature.

Keywords: *teaching Vietnamese literature, Vietnamese literature, foreign students, literary works*

Received: 04/11/2024; Revised: 29/11/2024; Accepted: 15/12/2024